

Theo Ngh    nh do Ch nh ph   v  a ban h nh, t   10/11 t  i, ng    i  i u khi  n xe   t   trong m u ho  c h  i th   c   n  ng   c   n v   t qu  80 miligam/100 milil t m u ho  c v   t qu  0,4 miligam/1 l t kh  th   s   b   ph   t ti   n t   10 - 15 tri   u  ng.

Ch nh ph   v  a ban h nh Ngh    nh m  i s   a  i, b   sung m   t s    i u c   a Ngh    nh s   34/2010/NĐ-CP v   x   ph   t vi ph   m giao th  ng  ng b  , trong     s   a  i, b   sung m   t s    i u c   a ngh    nh c   theo h  ng n ng m  c ph   t  i v   i h nh vi ch   qu  s   ng   i cho ph p,  i u khi  n xe khi [n  ng   c  n](#) v   t qu  quy  nh, ch  y qu  t  c   ... nh   m r n   v   i nh  ng h nh vi vi ph   m v   an to n giao th  ng  ng b  .